

Tư tưởng của Nguyễn Trãi về giáo dục

Nguyễn Bá Cường *

Tóm tắt: Nguyễn Trãi là người có những tư tưởng sâu sắc về vai trò và nội dung của giáo dục. Tư tưởng của Nguyễn Trãi về giáo dục phù hợp với các chuẩn mực của Nho giáo. Nhiều nội dung trong tư tưởng về giáo dục của ông có giá trị đối với sự nghiệp giáo dục, xây dựng văn hoá, con người Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nguyễn Trãi; giáo dục; đạo đức; Nho giáo.

1. Mở đầu

Nguyễn Trãi (1380 - 1442) có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc và lịch sử tư tưởng Việt Nam. Ông đã đặt cơ sở cho tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng triều đại mới Lê sơ, triều đại được coi là cực thịnh của chế độ phong kiến nước ta. Điều đó thể hiện ở những công hiến hết sức to lớn của ông trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, triết học, văn hoá, lịch sử, địa lí, ngoại giao, nghệ thuật... Trong hệ thống tư tưởng của Nguyễn Trãi, vấn đề con người và giáo dục con người được ông quan tâm trước nhất. Ông cho rằng, ở mọi thời đại, tư tưởng và chính sách giáo dục con người, trọng dụng nhân tài có tác động trực tiếp và sâu sắc tới sự phát triển của đất nước. Đã có một số tác giả nghiên cứu về tư tưởng giáo dục của Nguyễn Trãi ở các phương diện và mức độ khác nhau [6, tr.8, 13]. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi góp phần làm rõ thêm tư tưởng của Nguyễn Trãi về giáo dục, qua đó khẳng định thêm những giá trị trong tư tưởng của ông đối với sự nghiệp giáo dục con người Việt Nam hiện nay.

2. Tư tưởng Nguyễn Trãi về vai trò của giáo dục

Nguyễn Trãi đánh giá rất cao vai trò của

giáo dục đối với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển xã hội. Điều đó được thể hiện ở những công việc đào tạo con người, trọng dụng nhân tài, giữ gìn và phát huy đạo đức, hoàn thiện nhân tâm. Ông thừa nhận *giáo dục có vai trò đào tạo nên lớp người có lý tưởng cống hiến cho đất nước*; giáo dục là con đường tạo ra những sức mạnh vật chất cho xã hội, tạo ra “thợ tốt”, “thầy tốt” để làm cho “đất nước vững bền, non sông đổi mới” (“Nên thợ nên thầy vì có học/No ăn no mặc bởi hay làm” [10, tr.1031]). Từ ảnh hưởng của nền giáo dục Nho học, ông đã đúc rút được những giá trị cao quý của giáo dục và coi đó là của báu nghìn đời (“*Thi, Thư thực ấy báu nghìn đời*” [10, tr.658]). Đối với ông, vai trò to lớn của giáo dục là phải đào tạo nên những lớp người có lý tưởng cống hiến cho đất nước. Đó là những con người biết “coi việc quốc gia làm công việc của mình; lấy điều lo của sinh dân làm điều lo thiết kỉ” [10, tr.142]. Ông quan niệm, người học bao giờ cũng học tập người thầy không chỉ về đạo lí mà cả về con đường công danh sự nghiệp; chí hướng của họ (ra làm quan giúp nước hay ở ẩn) đều

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
ĐT: 0983221671. Email: cuongnb@hnue.edu.vn.

ảnh hưởng ở người thầy (“Động tĩnh nào ai chẳng bởi thầy” [10, tr.690]).

Khác với tư tưởng Nho giáo phong kiến bảo thủ chỉ quan tâm giáo dục cho giai tầng thống trị, Nguyễn Trãi cho rằng giáo dục phải nhằm đến nhân dân để đào tạo họ trở thành con người phát triển toàn diện, có ích cho đất nước, biết hy sinh, cống hiến cho dân tộc; giáo dục và đào tạo con người là nhằm phát huy sức mạnh nội sinh xây dựng nền thái bình, thịnh trị. Vì thế, khác với những nhà nho chuyên dạy học làm kẻ sinh nhai, đời thời để tiến thân vào con đường quan lại, ông coi việc dạy học cần phải đạt mục đích tuyên truyền giáo dục tư tưởng nhân nghĩa nhằm thực hiện lí tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng cuộc sống no ấm, yên bình cho nhân dân. Chính vì ý thức sâu sắc được vai trò và mục đích của giáo dục như vậy nên Nguyễn Trãi đòi hỏi nhà giáo cần phải có tài đức hơn người [10, tr.650]. Mặt khác, ông cũng yêu cầu bậc trí thức (nhà nho, nhà giáo,...) phải biết lo cái lo của thiên hạ, phải có trách nhiệm với sự an nguy của đất nước. Điều đó cũng có nghĩa rằng, giáo dục nói chung hay sự nghiệp của mỗi trí thức nói riêng không thể tách rời khỏi bối cảnh chính trị - xã hội và trách nhiệm vì nước, vì dân.

Nguyễn Trãi khẳng định rằng giáo dục tạo nên những giá trị to lớn của kiến thức, của sự thành đạt trong cuộc sống của cá nhân và cả cộng đồng xã hội. Ông quan niệm sự giàu có không phải là nhiều của cải vật chất mà chính là giàu vốn văn hoá, vốn hiểu biết (chữ nghĩa). Để đạt được điều đó thì phải tự học, phải tự tu dưỡng bản thân (“Nhiều của ấy chẳng qua chữ nghĩa/Dưỡng người cho kéo nhọc chân tay”). Nền giáo dục tốt phải đào tạo được con người toàn vẹn, vừa có đức, vừa có tài. Ông xem việc

giáo dục rèn luyện con người có đạo đức còn quý hơn muôn vàn của cải (“Thiên thơ án sách qua ngày tháng/Một khắc cầm nên mấy lạng vàng”) [10, tr.977, 768].

Theo Nguyễn Trãi, giáo dục còn có tác dụng mở mang dân trí, giúp người lao động có trình độ kiến thức để làm việc và cống hiến. Ông khẳng định, nếu biết chăm lo cho giáo dục thì sẽ đạt thành quả như mong muốn. Ý nghĩa cuộc sống của con người là ở sự hiểu biết (“Muốn ăn trái, đường nên cây/Ai học thì hay, mưa lệ chầy”). Ông coi việc học là vô cùng (“rừng nho”, “biển học”); người đi học phải thường xuyên thu lượm kiến thức, tập trung hiểu rõ nội dung của sách vở để vận dụng vào thực tế công việc chăm lo đời sống cho nhân dân, chứ nên bon chen tìm đường công danh một cách ích kỷ (“Độc sách thì thông đời nghĩa sách/Đam dân mưa nỡ mất lòng dân” [10, tr.957, 985, 1053]).

Nguyễn Trãi còn chỉ rõ giáo dục có tác dụng làm thay đổi bản tính con người, hướng con người về với bản chất thiện (“Trời phú tính, uốn nên hình/Ất đã trùng trùng nẻo thuờ sinh”). Sự thay đổi đó được ông nhìn nhận một cách thực tế trên quan điểm duy vật mộc mạc (nhiều khi được tiếp thu từ tri thức văn hoá dân gian). Khi nhấn mạnh đến sự tác động của hoàn cảnh, môi trường xã hội đối với con người, ông viết: “Chơi cùng đùa dại nên bày dại/Kết mấy thằng khôn học nét khôn/Ở đẳng thấp thì nên đẳng thấp/Đen gần mực, đỏ gần son”; “Cõi phàm tục khỏi lòng phàm tục/Học thánh nhân chuyên thói thánh nhân” [10, tr.856, 981, 1059].

Trong khi xác định rõ vai trò của giáo dục, Nguyễn Trãi cho rằng, mục đích giáo dục là xây dựng nhân cách con người, hướng tới những mẫu người lí tưởng (kẻ sĩ,

bậc đại trượng phu, người quân tử...). Đào tạo người quân tử được ông xác định là mục tiêu của giáo dục. Những phẩm chất cơ bản của người quân tử mà ông nêu lên mang các chuẩn mực đạo đức truyền thống của người Việt Nam, có nhiều yếu tố khác với hình mẫu người quân tử của Nho gia Trung Quốc. Cụ thể, người quân tử trong tư tưởng của Nguyễn Trãi có lòng nhân đức, đặt mục đích cuộc sống vào sự phục vụ nhân dân, thực hành nhân nghĩa để mọi người sống trong cảnh thái bình, biết gánh vác những việc “có quan hệ lớn đến sự thành hay bại của quốc gia, cùng nỗi vui hay buồn của dân chúng”, giữ chữ tín, “làm việc phải đường hoàng”, luôn thức thời và “xử trí đúng thời”, không cố chấp những việc đã qua, sống có trách nhiệm đối với lịch sử, biết đề cao quốc thể và danh dự cá nhân [10, tr.558, 721].

Với tư tưởng đề cao vai trò của giáo dục, Nguyễn Trãi đã góp phần đáng kể trong tổ chức, xây dựng nền giáo dục, khoa cử đầu thời Lê sơ, thúc đẩy mỗi nho sinh, các bậc trí thức cùng toàn xã hội thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực thi mục đích giáo dục đề ra. Có thể nói rằng, với tầm tư duy giáo dục sát với thực tế xã hội, đạt tới trình độ khái quát triết học sâu sắc, toàn diện, Nguyễn Trãi đã để lại bài học có ý nghĩa to lớn để các nhà giáo dục, nhà tư tưởng và các triều đại sau này tiếp thu và hiện thực hóa ở những mức độ nhất định. Dĩ nhiên, trong phạm vi hạn chế chung của thời đại và của tầng lớp trí thức nho học đương thời, tư tưởng giáo dục của Nguyễn Trãi vẫn chưa vượt ra khỏi tư tưởng giáo dục của Nho giáo, chỉ mới chú trọng đào tạo những “thần dân” để chủ yếu phục vụ cho triều đại quân chủ; chưa chú trọng đào tạo những “công dân” thực thụ,

phát triển nhân cách, năng lực một cách toàn diện, độc lập, đặc biệt là phát triển khả năng tư duy sáng tạo, tự chủ.

3. Tư tưởng Nguyễn Trãi về nội dung giáo dục

Ngay từ đầu Nguyễn Trãi đã lựa chọn con đường lập thân và giúp đời theo học thuyết Nho gia. Trong số các học thuyết đương thời (đạo Nho, đạo Phật và đạo Lão) thì đạo Nho là học thuyết nhập thế, đề cao đạo làm người, trong đó có những phẩm chất cao quý như: nhân, nghĩa, trí, tín, hiếu, trung, dũng, liêm, chính [2, tr.107]. Bản thân sự nghiệp của ông được thành tựu cũng một phần là nhờ học Nho. Bởi thế, tư tưởng của ông về nội dung giáo dục tập trung vào việc giáo dục đạo đức theo tinh thần Nho học. Đây vừa là điểm nổi trội, nhưng đồng thời cũng là hạn chế, thiếu toàn diện trong nội dung giáo dục theo quan điểm của Nguyễn Trãi.

Tư tưởng coi trọng giáo dục đạo đức đã được Nguyễn Trãi nêu lên ngay trong bài đầu tiên mở đầu phần “*Bảo kính cảnh giới*” (Bảo kính cảnh giới là Lời khuyên răn như một tấm gương sáng quý giá để soi) của *Quốc âm thi tập*: “Đạo đức hiền lành được mọi phương”. Trong những phẩm chất đạo đức cơ bản của đạo làm người, ông coi trọng giáo dục “nhân”, “nghĩa” (“nhân nghĩa”) “trung”, “hiếu”, “cần”. Theo ông, nếu ai có được những phẩm chất đó thì chẳng những giữ được sự bình yên lâu dài mà còn có thể biết cách vượt qua khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống để đạt được sự hanh thông, thịnh đạt (“Nhân nghĩa trung cần giữ tích ninh/Khó thì hay khéo, khôn hay hanh” [10, tr.938, 944]).

Trong tư tưởng Nguyễn Trãi, nhân nghĩa chính là lòng yêu thương con người, tình người, sự chân thành, thái độ khoan dung

độ lượng; khi có giặc ngoại xâm thì nhân nghĩa thể hiện tinh thần yêu quê hương đất nước và thể hiện trách nhiệm cá nhân phải đánh giặc cứu nước, cứu nhà; khi đất nước hoà bình thì phải dốc hết tâm sức, tài trí xây dựng đất nước, đem lại cuộc sống ấm no, đầy đủ cho nhân dân.

Nguyễn Trãi cho rằng, mọi suy nghĩ và hành động cần phải bắt nguồn từ nhân nghĩa bởi nhân nghĩa có tác động to lớn thu phục lòng người, tạo nên sức mạnh tinh thần để vượt qua mọi khó khăn trở ngại dẫn tới thành công. Một mặt “phải lấy nhân nghĩa làm gốc” nhưng mặt khác, cần “lấy trí lực làm sự hỗ trợ”. Ông cũng khẳng định: “Mưu tính việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, hoàn thành công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Nhân nghĩa gồm đủ cho nên việc và công ắt xong” [10, tr.366, 377].

Nếu như Nho giáo quan niệm người có lòng nhân sẽ gánh được nặng, đường xa vẫn đến đích được (là vì nhờ có sức mạnh thu phục lòng người nên có nhiều người giúp đỡ, hỗ trợ) thì Nguyễn Trãi cho rằng người dựa vào “nhân” sẽ được cái thể vững chắc của núi. Đạo nhân đối với người ta không tự có mà phải trải qua quá trình tự tu dưỡng bản thân, cũng như cỏ xanh tự sinh trưởng trong tự nhiên vậy [10, tr.685, 663]. Nếu nói theo quan điểm hiện đại thì đó là tư tưởng tự thân vận động, tự thân phát triển trong quá trình tự đào tạo.

Trên cơ sở về mối quan hệ giữa ý thức, đạo đức với điều kiện vật chất, lợi ích, Nguyễn Trãi khuyên răn mọi người chớ có vì lợi ích vật chất mà ăn ở thiếu nhân nghĩa. Dù túng thiếu, khó khăn vẫn giữ được lòng nhân nghĩa, nhất định không vì đói ăn, thiếu mặc mà dùng của cải của những kẻ bất nhân, bất nghĩa (“Com kẻ bất nhân, ăn, ấy chớ/Áo người vô nghĩa, mặc, chẳng thà”).

Ông cũng nhìn nhận ra kết cục của những kẻ bất nhân ở đời, dù giàu có thì của cải cũng không tồn tại được dài lâu (“Bất nhân vô số nhà hào phú/Của ấy nào ai từng được chầy”). Điều đặc biệt ở Nguyễn Trãi là ở chỗ, ông đã vượt lên quan niệm của Khổng Tử và Mạnh Tử để đưa nội dung mới vào tư tưởng về nghĩa và lợi. Khổng Tử cho rằng “thấy lợi phải nghĩ đến nghĩa”, “hợp nghĩa thì nhận lợi” (*Lược ngữ*). Nguyễn Trãi đi xa hơn bằng cách nhấn mạnh rằng phải làm cho đúng nghĩa (“Thấy lợi thì làm cho phải nghĩa/Mưa tây mặt khiến liễn lòng đam” [10, tr.725, 1027, 1031]).

Tại sao Nguyễn Trãi lại đề cao “nghĩa” như vậy? Vì ông quan niệm rằng, trong trời đất, xưa nay con người đi theo cùng một con đường, đó là đạo tam cương (quân thần, phụ tử, phu phụ). Trong ba mối quan hệ cơ bản đó của xã hội thì “nghĩa” (được hiểu là tình cảm và trách nhiệm) chi phối tất cả: giữa vua và bề tôi, giữa cha và con, giữa chồng và vợ cũng đều phải có nghĩa với nhau. Như thế, ông không những tiếp thu giá trị nhân văn trong học thuyết của Khổng Tử và Mạnh Tử về nghĩa mà còn nêu lên một nhận thức mới khi coi nghĩa là sợi dây nối kết tất cả các mối quan hệ xã hội. Ông khẳng định sức bền vững của nghĩa hơn cả đá, vàng. Ông cho rằng dù cho đá có mòn nhưng “nghĩa chẳng mòn”, dù nghìn kiếp thì “nghĩa vẫn còn”. Ông kêu gọi mọi người hãy gìn giữ để nghĩa ngày càng hưng đạt [10, tr.849, 836].

Từ thực tiễn của đời sống xã hội, Nguyễn Trãi đã khái quát kết quả của các mối quan hệ giữa người với người. Ông cho rằng, nếu sống có tình yêu thương và thuận hòa (lành hiền, nhu) thì mối quan hệ ấy được bền chặt, thấm thiết (“nhiều kẻ chuộng”); còn nếu sống khắc nghiệt, khô

khăn, cứng nhắc (“dữ”, “cương”) thì mối quan hệ trở nên nhanh phai tàn (“chẳng ai màng”). Từ đó ông đưa ra nhận định: tình yêu thương con người là đạo lý thường có ở đời (“Yêu nhau chẳng đã đạo thường thường” [10, tr.979]). Nguyễn Trãi quan tâm giáo dục tình yêu thương con người và tinh thần trách nhiệm đối với nhau trong từng mối quan hệ xã hội.

Đối với người dân, Nguyễn Trãi đặc biệt chú trọng giáo dục tình yêu thương và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong xã hội. Từ triết lý “con người có tổ có tông”, “người trong một nước thì thương nhau cùng”, ông khẳng định: “Đồng bào cốt nhục nghĩa càngh bèn/Cành Bắc, cành Nam một cội nên” [10, tr.969]. Vì thế, tình yêu thương đồng bào, yêu thương người dân phải là tình yêu thương rộng lớn nhất. Đây cũng là nền tảng của nhân nghĩa Đại Việt mà ông đã khái quát: “Việc nhân nghĩa cốt để yên dân”, “Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, đem chí nhân mà thay cường bạo” [10, tr.39]. Theo ông, nhân nghĩa vì dân thì làm việc gì cũng phải thương yêu dân, bảo vệ dân, biết hy sinh lợi ích bản thân để làm lợi cho dân, phải có bản lĩnh thẳng thắn tố cáo, lên án chiến tranh và sự tàn bạo khác đối với dân, và quan trọng là phải thuận lòng dân. Nhân nghĩa vì dân thì phải thân dân, “có chính sách khoan nhân”, phải tin tưởng sức mạnh của nhân dân, tin vào khả năng của nhân dân (“mến người có nhân là dân, mà chớ thuyền và lật thuyền cũng là dân” [10, tr.185]). Nhân nghĩa vì dân thì phải “trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược” để “khiến cho dân trong thôn xóm vắng không có một tiếng hòn giận oán sầu”, để “dân giàu đủ khắp đòi phương” [10, tr.946, 1025].

Đối với anh em, Nguyễn Trãi cho rằng, phải biết yêu thương nhau, chớ có làm hại

nhau vì cùng do cha mẹ sinh ra, cũng như cành, lá, hoa, trái cùng do một cây sinh ra; hoặc anh em như thể chân tay (theo tinh thần đã được dân gian đúc rút). Để khắc sâu giáo dục tình nghĩa anh em, ông mượn hình ảnh “tiếng khóc cảm thần linh” của cây khi chứng kiến cảnh những cành cây khô (mà trước đây quả, hạt còn tươi xanh trên đó) thiêu nấu hạt chín trên ngọn lửa hung bạo (ông nhắc lại câu chuyện Tào Thực - Tào Phi thời Tam Quốc). Ông nhấn mạnh rằng, thế gian ai có anh em thì biết nhớ lấy, chớ có quên “nghĩa đệ huynh” [10, tr.987].

Đối với những người là học trò, Nguyễn Trãi dùng lẽ tự nhiên để giáo dục luân lý đạo đức và tình cảm yêu thương con người. Ông cho rằng, bạn bè cùng học phải coi nhau như anh em, tựa như cùng chung một họ (tông tộc), tựa như nhiều nhánh, nhiều cành nhưng cùng chung một cây, một gốc mà ra. Vì thế, chớ có xem nhau là xa (phân biệt thân sơ), chớ có nghe lời gièm pha nịnh bợ dẫn đến có lòng riêng tây thù ghét oán nhau, phải biết thương yêu thân thích như chân tay. Theo ông, ở đời sự yêu thương quý trọng người dung là của cải (của để dành), nếu mình có gặp phải hoạn nạn thì họ sẽ lại giúp mình khỏi phiêu bạt, lận đận [10, tr.975]. Đó cũng là tính nhân quả tất yếu trong tình yêu thương con người.

Như vậy, với nội dung giáo dục nhân nghĩa, Nguyễn Trãi không những nêu lên những chuẩn mực cụ thể trong đối xử giữa người với người mà còn chỉ ra nguyên tắc giải quyết công việc căn cứ vào nhân nghĩa. Ông muốn mọi người tu dưỡng để trong mọi suy nghĩ và hành động đều dựa trên nền tảng phương pháp luận của nhân nghĩa. Đây cũng là tư tưởng chủ đạo và xuyên suốt sự nghiệp cứu nước, an dân cũng như sự nghiệp sáng tác của ông.

Cùng với “nhân nghĩa”, thì “trung”, “hiếu”, “cần” cũng là những phẩm chất đạo đức cơ bản trong nội dung giáo dục mà Nguyễn Trãi coi trọng. Tư tưởng của Nguyễn Trãi về “trung”, “hiếu”, “cần” thể hiện ở 3 nội dung chính sau.

Thứ nhất, “trung” gắn liền với yêu nước, thương dân. “Trung” ở Nguyễn Trãi không giống với “trung” trong hệ thống học thuyết Nho giáo phong kiến (theo nghĩa “trung với vua”, “trung thần bất sự nhị quân”). Theo ông, trung chỉ với những ông vua vì dân vì nước. Mở rộng hơn, đó là “trung với nước”. Đây chính là điểm khác biệt mang tính nhân văn Đại Việt và cũng là sự sáng tạo độc đáo của Nguyễn Trãi trên phương diện tư tưởng Nho học mang bản sắc dân tộc. Tư tưởng của Nguyễn Trãi về “trung” thể hiện thông qua chính cuộc đời của mình. Ông sinh ra và lớn lên trong gia đình có truyền thống Nho học và khoa bảng. Nhưng ông đã vượt lên những hạn chế của Nho giáo truyền thống trong quan niệm về “trung” để có phương thức xử thế hành động linh hoạt mang tính tiến bộ rõ rệt so với nhiều trí thức Nho học đương thời. Khi nhà Trần suy vong, nhà Hồ lên thay, ông đã ra ứng thí, đỗ đạt và làm quan dưới triều đại nhà Hồ, mặc dù ông vốn là dòng dõi Nho gia và được ăn lộc của triều đại nhà Trần (được sinh ra và dưỡng dục dưới mái nhà của ông ngoại quan Tư đồ Trần Nguyên Đán). Khi nhà Hồ để mất nước, ông theo Lê Lợi (thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn) để đánh giặc, toàn tâm phục vụ xây dựng nghiệp đế vương cho nhà Lê. Vì lẽ đó, nhà bác học Lê Quý Đôn nhận xét: “Cứ xem ông giúp chính trị hai triều vua, hết lòng trung thành, tuy dâng lời khuyên, thường bị dè nén, mà không từng chịu khuất” [9, tr.266]. Cuộc đời và sự nghiệp giúp vua dựng nước của Nguyễn

Trãi cho thấy một bài học có ý nghĩa sâu sắc rằng: “trung” chỉ có giá trị là một phẩm chất cao quý của đạo làm người khi nó được đặt trong mối quan hệ với một triều đình biết lo cho nước, biết làm cho dân yên ổn, an nhàn, không thực hiện nền “chính sự phiền hà” [*Bình Ngô đại cáo*] và người thực hiện “trung” chỉ có một mục tiêu cao nhất là phụng sự đất nước và nhân dân.

Theo Nguyễn Trãi, “trung” là sự biểu hiện tấm lòng trung thành son sắt của mỗi người đối với quốc gia, đối với nhà vua biết vì dân vì nước. Mỗi khi chúng ta được bưng bát cơm ăn, được sống trong cảnh thanh bình, yên ổn thì cần phải biết ơn đối với đất nước (“Bát cơm xoa nhờ xã tắc”). Tuy nhiên, do vẫn ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng tôn quân nên ông chỉ mới chú ý giáo dục ý thức biết ơn đối với vua, chúa; ông quy tất cả mọi thứ trên thế gian này (con người và mọi vật), trước sau đều do vua chúa quyết định; con người có trung thì phải có ý thức biết ơn và có hành động báo đáp với vua chúa. Ông viết: “Thủy chung mỡ vật đều nhờ chúa”; “Cho về cho ở đều ơn chúa”; “Ăn tư là ấy yêu dường chúa”; “Dùng lộc thì hay nghĩa chúa nhiều” [10, tr.669, 690, 764, 1001, 1013]; “Ước bề trả ơn minh chúa/Hết khoẻ phù đạo thánh nhân” [10, tr.719]. Ông quan niệm rằng mong ước và quyết tâm thôi thì chưa thể gọi là trung được mà phải thông qua mỗi hành động, sự việc cụ thể để khẳng định lòng trung thành, ví như chỉ khi gặp hoạn nạn, gió bão, loạn lạc, nghèo khó mới biết được lòng trung thành, kiên định của đạo bề tôi (“Khi bão mới hay là cỏ cứng/Thuở nghèo thì biết có tôi lành”) [10, tr.944].

Theo Nguyễn Trãi, bề tôi có “trung” thì phải làm mọi cách để nước giàu, bình mạnh, đem lại ích lợi cho nhân dân.

Nguyễn Trãi chủ trương giáo dục ý thức kiên trì và lý tưởng sống mong muốn được công hiến nhiều nhất dưới triều đại của những minh quân, dù phải trải qua nhiều gian nan, vẫn “một tiết bền bằng đá”, yêu nước, thương dân mà “tóc đã bạc mười phân” nhưng vẫn “nhớ chúa lòng còn son một tấc” [10, tr.826, 1015]. Nếu ý chí công hiến được thỏa nguyện thì đất nước được giàu mạnh và vững vàng, cuộc sống được hưởng tự do tùy thích trên sự thanh bình yên vui như thời thịnh trị Nghiêu Thuấn. Như thế, trung với vua nhưng thực chất đã được mở rộng thành lòng lo nước yêu dân (“niềm ưu ái”).

Nguyễn Trãi giáo dục lòng trung thành với đất nước thông qua những hành động cụ thể. Quân sĩ thì phải “bằng tấm lòng trung nghĩa, với chí khí dũng cảm,... hết lòng gắng sức, lo báo nước nhà, đánh đuổi giặc thù, thu về bờ cõi... hết trung với nước, cùng lòng hợp sức, mưu rửa mối nhục quốc gia, đánh trận giành chiến thắng, đến đâu cũng lập được công” khiến cho “tiếng thơm lừng lẫy, sử sách lưu truyền” [10, tr.589, 590]. Ông cũng yêu cầu bề tôi phải “hết lòng trung phụng sự triều đình”, lấy đó là sở nguyện thực sự của đời mình. Ở đây, ông đã hợp nhất hóa giáo dục “trung”, đó là trung với nước, trung với vua, với triều đình. Trung với nước là vô điều kiện, còn trung với vua, với triều đình là có điều kiện. Điều kiện đó là vua và triều đình phải vì dân (“triều đình khoan nhân”), biết chăm lo dựng xây đất nước, làm cho dân yên ổn, an nhàn.

Thứ hai, “trung” gắn liền với “hiếu”. Như trên đã nói, “trung” ở Nguyễn Trãi là trung với vua, mở rộng ra là trung với nước. Theo Nho giáo vì “Nước gốc ở nhà” (“Quốc chi bản tại gia” - *Mạnh Tử*, “Ly Lâu thượng”) nên “trung” thường gắn liền với “hiếu”. Tuy nhiên, ở Nguyễn Trãi, “hiếu”

được quan niệm trước hết là hiếu với cha mẹ, mở rộng ra là *hiếu với dân* (thường được coi là đại hiếu). Ông là tấm gương điển hình vượt lên những hạn chế cứng nhắc khuôn mẫu giáo lý về hiếu của Nho giáo. Việc ông thực hiện lý tưởng cứu nước do người cha truyền dạy là sự minh chứng cho tư tưởng của ông về trách nhiệm của người con đối với Tổ quốc, đối với nhân dân. Ông cho rằng, đạo hiếu có ở mỗi người nên những người có bổn phận làm con phải lấy lòng thảo kính báo đáp công ơn cha mẹ. Dựa trên triết lý dân gian, ông truyền tải tinh thần hiếu thuận một cách rất gần gũi mà ai ai cũng hiểu thấu được: “Nuôi con mới biết lòng cha mẹ”, “Sinh được con thì cảm đức cha”, “Có con mới biết ơn cha nặng” [10, tr.952, 725, 1013]. Như thế, hiếu vốn là phẩm chất đạo đức cơ bản trong đạo lý truyền thống của người Việt Nam; “hiếu” là nền tảng của “trung”; cũng như gia đình (nhà) là cơ sở của quốc gia (nước). Nguyễn Trãi nhiều lần khẳng định mọi người phải có trách nhiệm thực hiện trung hiếu: “Bui có một niềm chẳng nở trẽ/Đạo làm con lần đạo làm tôi”; “Quân thân chưa báo lòng canh cánh”; “Bui có một lòng trung lẫn hiếu/Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen”; “Bui một tấm lòng trung lẫn hiếu/Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông” [10, tr.637, 653, 800]. Những luận điểm trên cho thấy rằng, tư tưởng của Nguyễn Trãi về trung hiếu không hoàn toàn là tư tưởng của Nho giáo Trung Quốc.

Thứ ba, “cần” phải gắn với chăm lo lao động, cống hiến và thực hành tiết kiệm. Nguyễn Trãi quan niệm “cần” thể hiện trước hết ở việc học tập của mỗi người. Ông cho rằng, dù tài năng có thể còn hạn chế nhưng người học cần phải thể hiện ý chí quyết tâm tìm hiểu và thực hành đạo lý thánh hiền, nghiền ngẫm kinh sách của Nho

giáo, phải coi việc đọc sách chuyên cần như việc đảm đương gánh vác công việc triều chính (“Nghệp cũ thi thư hằng một chức”). Ông đã nêu lên quá trình tích lũy tri thức dẫn đến thành công của người học theo phương châm “phải làm nên việc lớn từ ở việc nhỏ”. Theo đó, người học chỉ khi “coi chữ nghĩa quý hơn của cải”, chuyên cần tích lũy tri thức, giữ gìn liêm khiết, thì họ mới có được trí tuệ mẫn tiệp, có tài năng. Ông quan niệm “cần” còn thể hiện ở tinh thần học tập lạc quan, ý chí vượt khó để đạt tới vinh quang (“Khó khăn thì mặc có màng bao/Càng khó bao nhiêu chí mới hào” [10, tr.650, 663, 794, 716]).

Trong tư tưởng về giáo dục của Nho giáo Trung Quốc có quan điểm coi thường lao động chân tay (xem việc trồng cây là của kẻ tiểu nhân mà người đọc sách thánh hiền không màng tính đến) thì trong tư tưởng về giáo dục của Nguyễn Trãi có quan điểm coi trọng thành quả của nhân dân lao động. Ông khẳng định: “Ăn lộc đều ơn kẻ cấy cày” [10, tr.977]. Tinh thần yêu lao động ở ông được bắt nguồn từ triết lý dân gian truyền thống rằng lao động là để nuôi sống bản thân, còn những kẻ lười biếng chỉ biết ăn thì của cải chất đống như núi non cũng hết (“Tay ai thì lại làm nuôi miệng/Làm biếng ngồi ăn lở núi non”) [10, tr.983]. Chính vì thế, ông không chỉ nêu lên yêu cầu gắn kết giữa lao động trí óc và lao động chân tay mà còn chú trọng giáo dục tình yêu lao động, tinh thần lạc quan trong lao động. Ông coi việc cuộc đất như khi đi chơi xuân, thanh thoi ngâm nga vịnh cảnh (“Cày chống tuyết ngâm đôi cảnh/Cuộc chơi xuân khắp mọi đời”). Theo ông, khi coi lao động là một thú vui thì người ta sẽ dốc hết sức mình để cày ruộng cuộc vườn và làm các công việc khác (“Ao cạn vớt bèo cấy muống/Đìa thanh phát cỏ ương sen”; “Áng

cúc lan xen vải đậu kê” [10, tr.748, 798, 800]). Ông khuyên dạy con cháu cần biết lao động chăm chỉ, tận dụng cơ hội vô tận trời cho để không trở nên nghèo khó phải đi vay mượn. Bản thân Nguyễn Trãi là tấm gương về tình yêu lao động, dù “lưng gầy da xỉ tướng lù khù” nhưng ông vẫn làm những việc có ích như “dạy láng giềng mấy sĩ nho” [10, tr.665, 669].

Nguyễn Trãi cũng quan tâm đến giáo dục nghề nghiệp ổn định và ý thức thực hành tiết kiệm cho mỗi người. Theo ông, mỗi người nên có một nghề nghiệp ổn định và cần phải làm nghề đó một cách thành thạo, chớ tham lam nhiều nghề theo kiểu “hai thớt ba giò”. Ý thức thực hành tiết kiệm được ông thể hiện ngay trong cuộc sống thanh bạch của mình. Đó cũng là tấm gương có tính giáo dục cao cho người đương thời và hậu thế. Ông không đòi hỏi phú quý phồn hoa mà yên vui với cảnh nghèo (“Com ăn chẳng quản dưa muối/Áo mặc nài chi gấm thêu”). Điều mà ông vượt lên tư tưởng Nho giáo Trung Quốc còn thể hiện ở chỗ, ông coi việc tiết kiệm trở thành một đức tính đáng quý, thể hiện cái chí của bậc anh hùng trong cuộc sống (“Phồn hoa chẳng dám ngất yên phận/Trong thế anh hùng ấy mới biểu” [10, tr.796, 906]). Với ông, mỗi giây phút, thời khắc qua đi đều đáng giá ngàn vàng, vì thế ông khuyên mọi người cần tiết kiệm thời gian. Theo đó, chỉ những người ham mê công việc (đọc sách và thực hành đạo lý) thì mới cảm nhận sâu sắc được thời gian vô cùng quý giá, không gì sánh bằng và họ mới có sự mong ước thời gian và cuộc đời kéo dài hơn để tiếp tục có cơ hội tận hưởng niềm vui vô tận khi được thẩm thấu và thực hành ý chí cống hiến của bản thân đối với xã hội.

4. Kết luận

Tư tưởng của Nguyễn Trãi về giáo dục

con người tuy chủ yếu theo tinh thần Nho giáo nhưng được vận dụng theo thực tiễn của xã hội đương thời kết hợp với đạo đức truyền thống dân tộc Việt Nam. Nguyễn Trãi thấm nhuần Nho học nhưng không giáo điều theo kiểu “hủ nho”. Nguyễn Trãi luôn luôn có ý thức và không ngừng vận dụng Nho học nói chung và lý luận giáo dục Nho học nói riêng vào đời sống thực tiễn xã hội nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước (Chu Xán, sứ nhà Thanh sang Đại Việt vào năm Chính Hòa thứ 4 (1683) có nhiều thơ hay về Việt Nam dâng lên triều đình Trung Quốc, trong đó có lời tôn vinh Nguyễn Trãi là người nổi tiếng về kinh tế [9, tr.284]. Sử gia Phan Huy Chú cũng khẳng định Nguyễn Trãi có sự nghiệp “kinh bang tế thế” [1, tr.277]). Với ông giáo dục có vai trò quan trọng đối với việc đào tạo nhân tài, giữ gìn và phát huy đạo đức xã hội, thay đổi bản tính và hoàn thiện phẩm chất nhân cách con người; là con đường tạo ra những sức mạnh vật chất và những lực lượng tiên bộ thúc đẩy xã hội phát triển. Ông chú trọng giáo dục những phẩm chất cơ bản của đạo làm người, tập trung vào nhân nghĩa, trung, hiếu, cần, kiệm, liêm, chính... Chính ông là một tấm gương sáng về đạo làm người với cốt cách dân tộc và tinh hoa nhân loại. Mặc dù còn có những hạn chế nhất định trong quan niệm về vai trò của giáo dục và nội dung giáo dục nhưng những cống hiến của ông đã được khẳng định. Sự nghiệp của Nguyễn Trãi mãi mãi được trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam (Sau khi trích bài chế văn truy tặng Nguyễn Trãi tước Tể văn hầu: “văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thùy hậu thế” (truyền tụng văn chương sự nghiệp, để mãi đời sau), Lê Quý Đôn khẳng định: Nguyễn Trãi - “người có công lao

đứng đầu về việc giúp rập vua, thì ngàn năm không thể mai một được” [9, tr.266]).

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Huy Chú (2006), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Bá Cường (2008), “ Tư tưởng Nguyễn Trãi về đạo làm người trong *Quân trung từ mệnh tập*”, *Đặc san khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Nguyễn Bá Cường (2013), “Con người trong tư tưởng Nguyễn Trãi”, *Tạp chí Triết học*, số 7.
- [4] Nguyễn Bá Cường (2013), “ Tư tưởng của một số nhà nho Việt Nam về trách nhiệm trong quan hệ gia đình”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*.
- [5] Nguyễn Bá Cường (2013), “Nguyễn Trãi - Nhà giáo dục tiêu biểu trong lịch sử dân tộc”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, số 10.
- [6] Nguyễn Tiên Doãn (1996), *Nguyễn Trãi - nhà giáo dục Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7] *Đại Việt sử ký toàn thư* (1985), t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Võ Xuân Đàn (1996), *Tư tưởng Nguyễn Trãi trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [9] Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Mai Quốc Liên (Chủ biên) (2001), *Nguyễn Trãi toàn tập (Tân biên)*, t.1, in lần thứ hai, Trung tâm nghiên cứu Quốc học và Nxb Văn học, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Thị Tuyết Mai (2001), “Nguyễn Trãi nói về giáo dục và đào tạo con người”, *Tạp chí Triết học*, số 1.
- [12] Bùi Văn Nguyên (1984), *Văn chương Nguyễn Trãi*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [13] Bùi Văn Nguyên (Chủ biên) (1995), *Tổng tập văn học Việt Nam*, t.4, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

